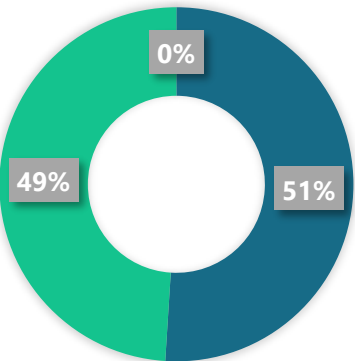


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		29,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		40,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,600
SL cổ phiếu LH		8,315,482
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,005
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		241
P/E		
EPS		

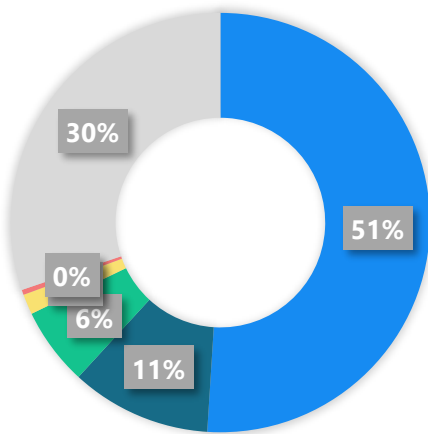
	YTD	1T	3T	6T
NAS		-1.4%	3.6%	16.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu sở hữu



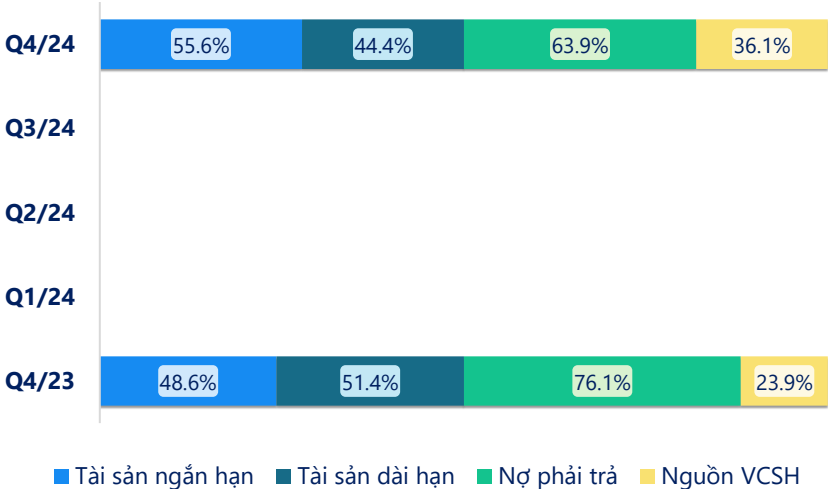
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



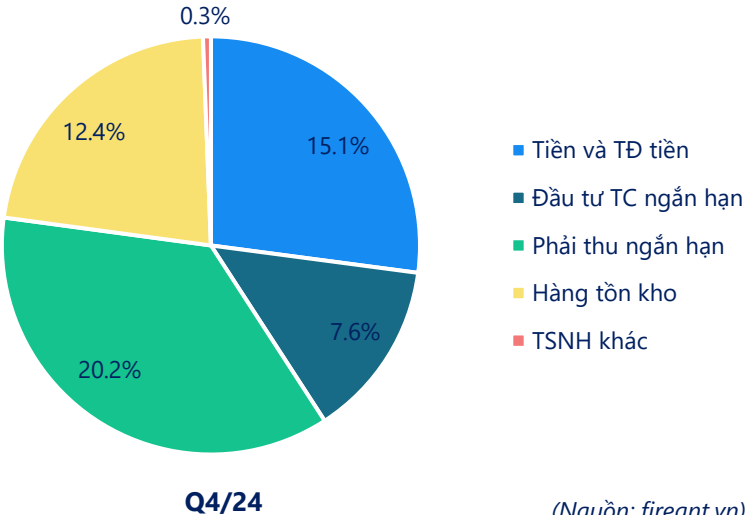
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



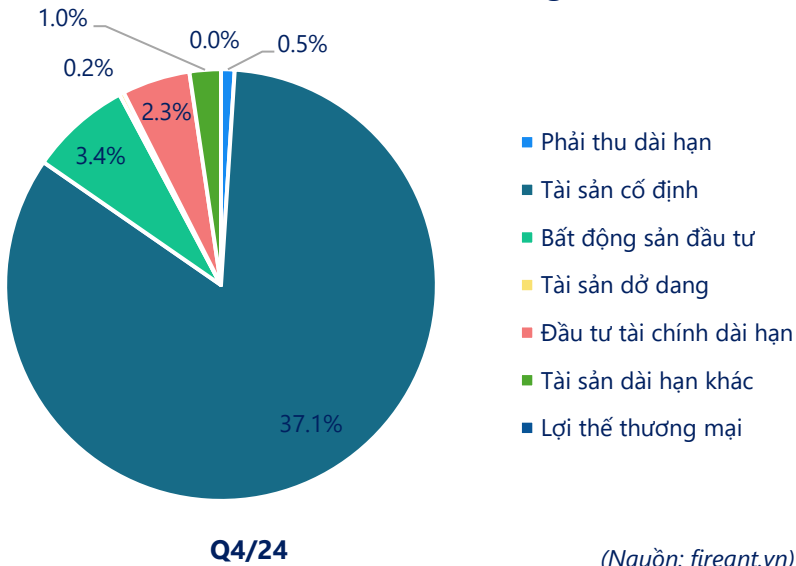
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

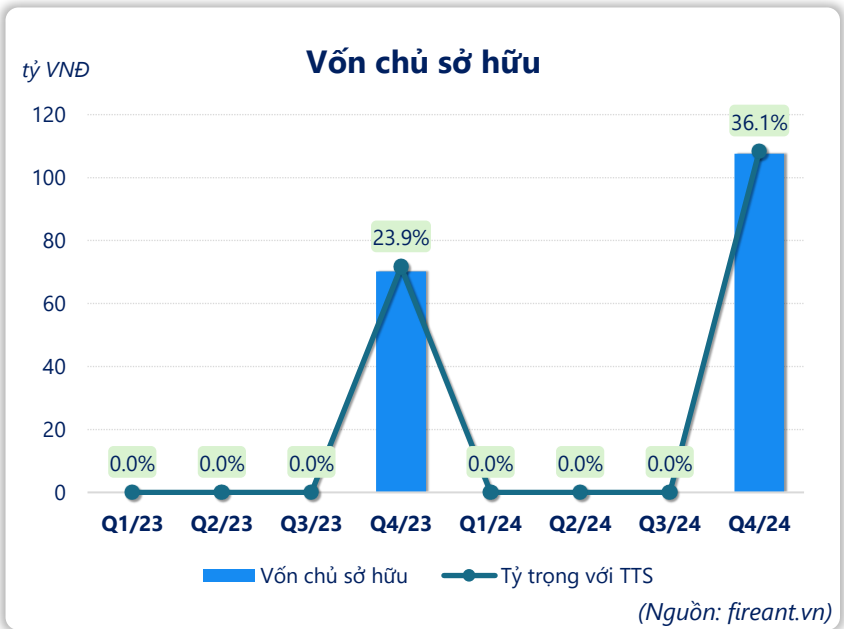
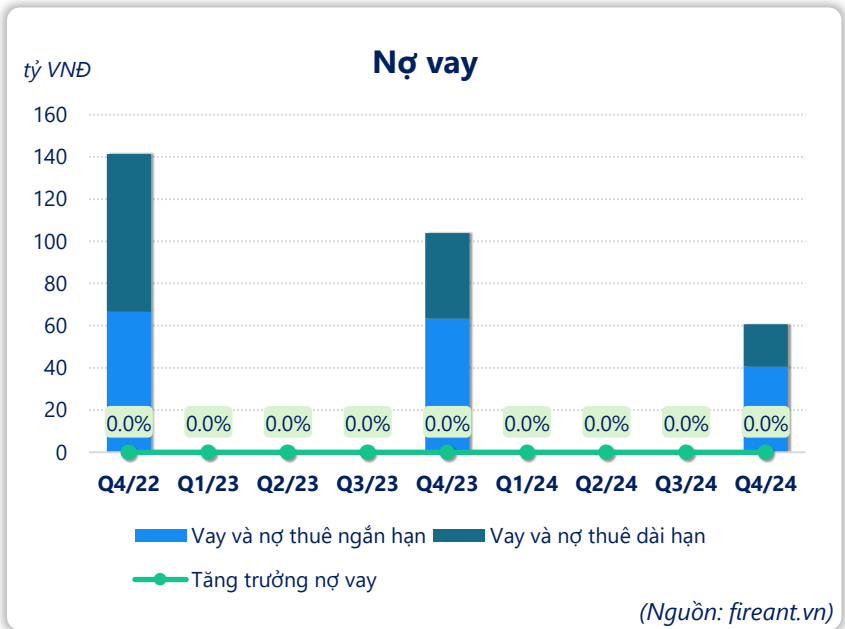
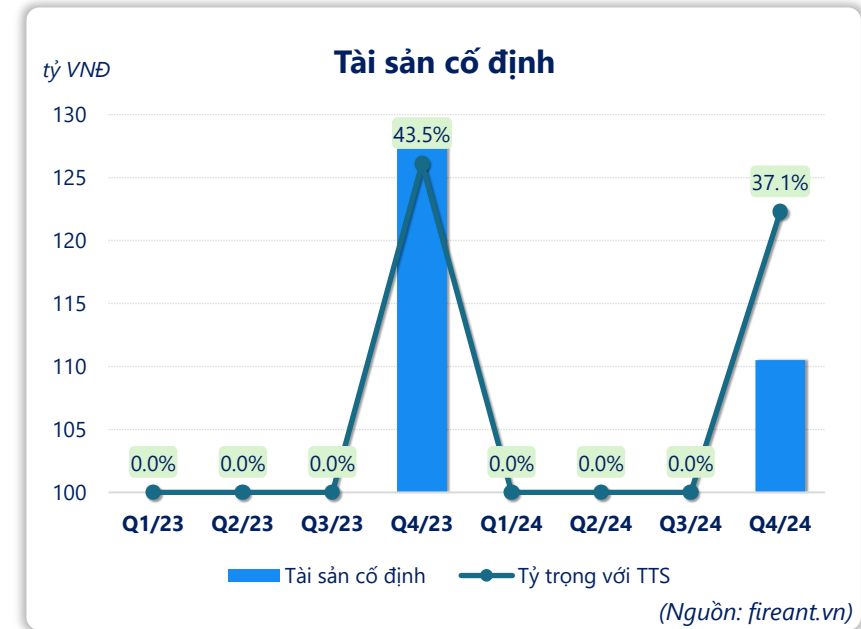
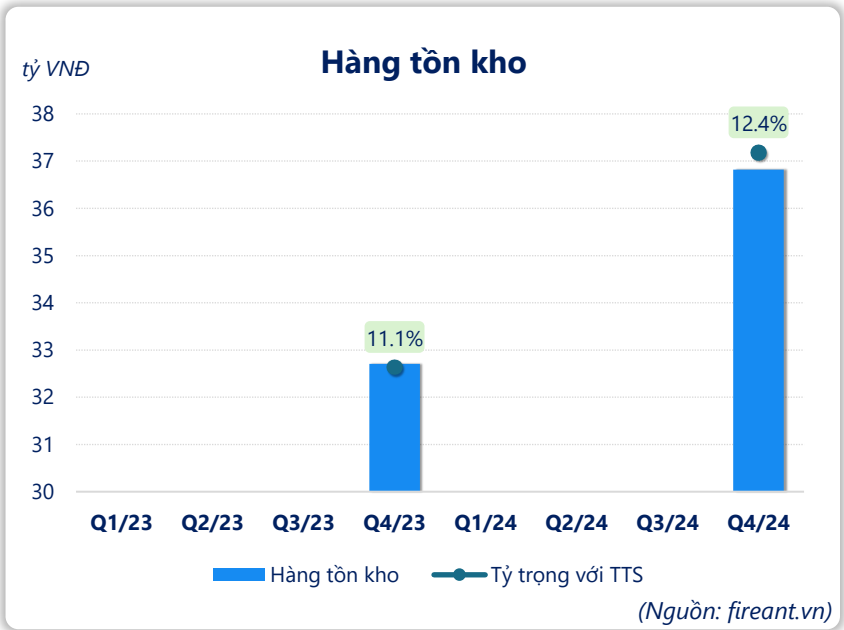
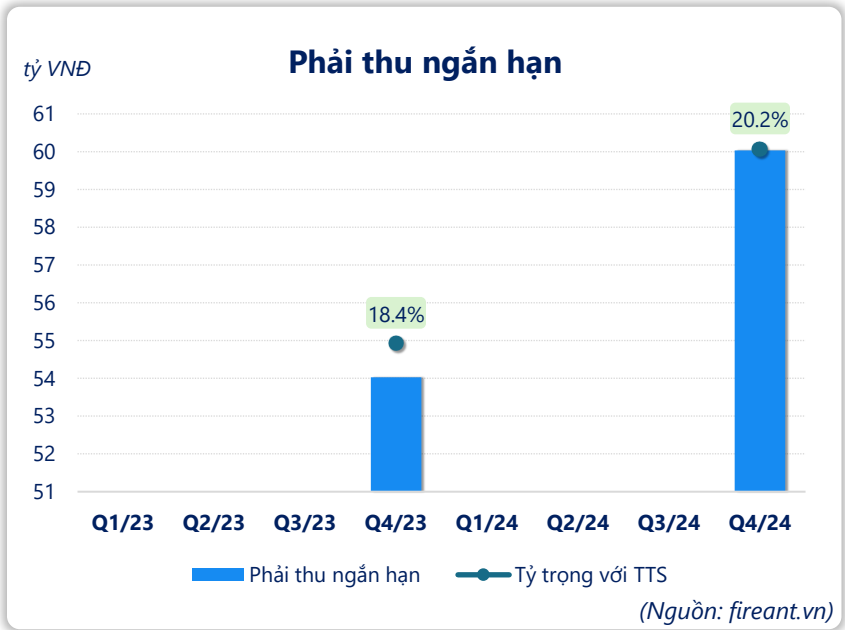
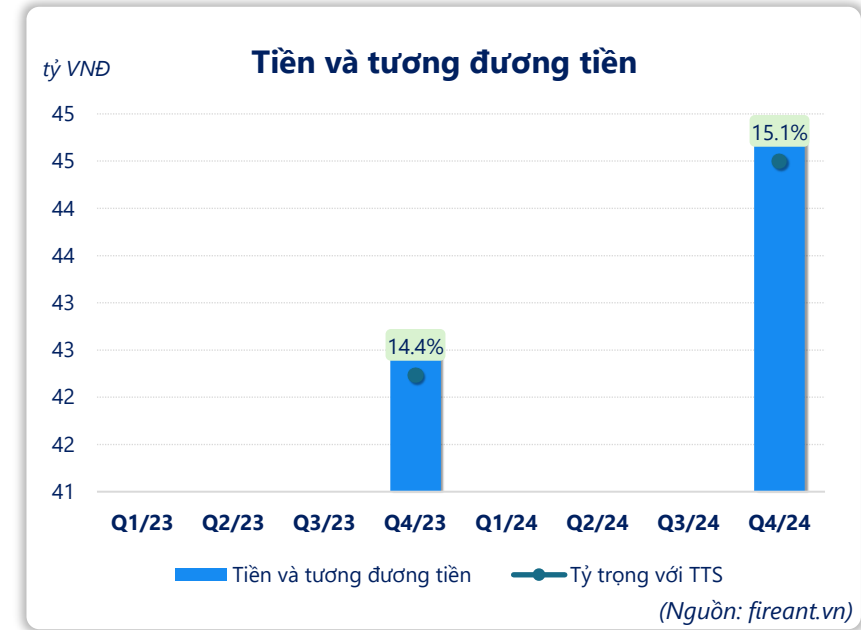


(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

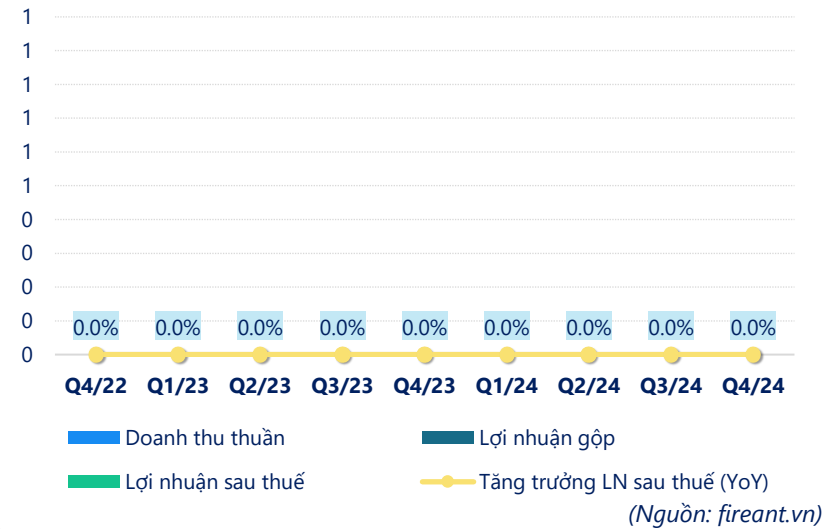


(Nguồn: fireant.vn)

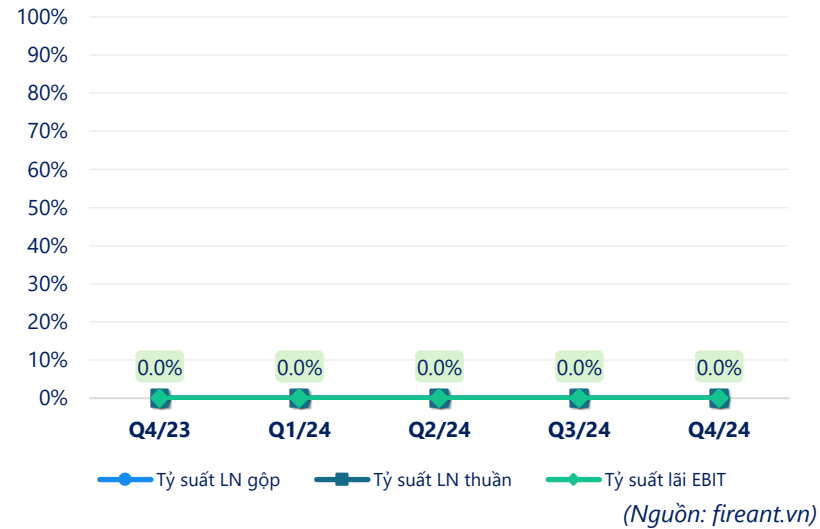


Kết quả kinh doanh

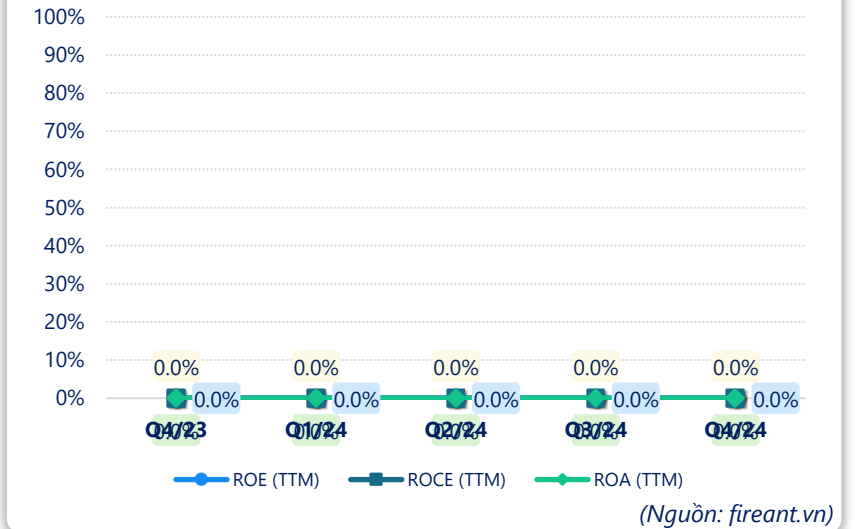
tỷ VNĐ



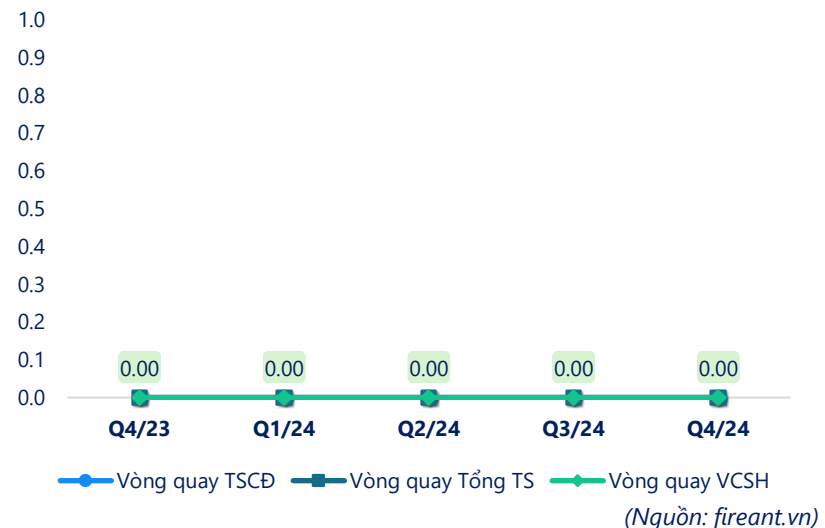
Tỷ suất lợi nhuận



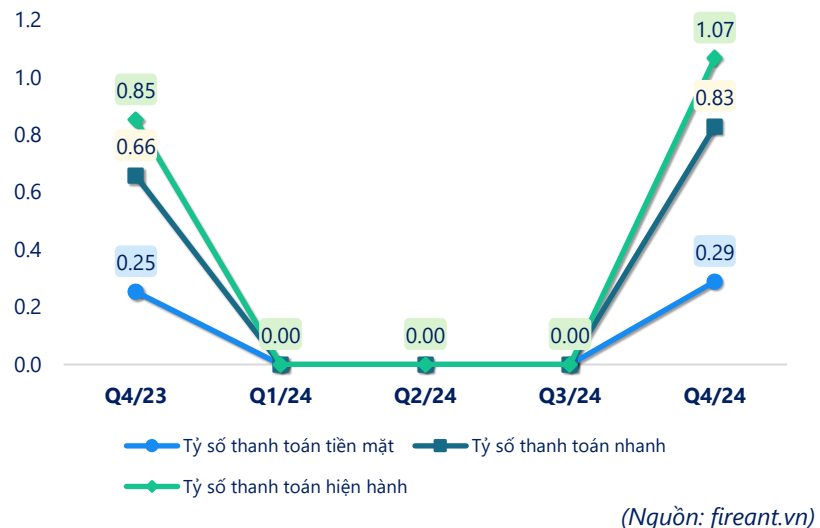
Tỷ suất sinh lợi



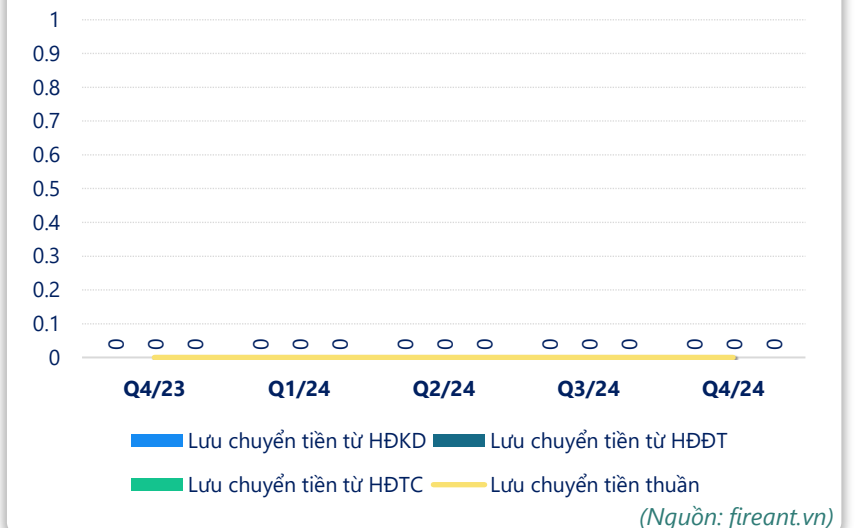
Vòng quay tài sản



Chỉ số thanh khoản



Lưu chuyển tiền



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	298	294	1.2%
Tài sản ngắn hạn	165	143	15.8%
Tiền và tương đương tiền	44.8	42.5	5.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.7	12.9	76.3%
Phải thu ngắn hạn	60.0	54.0	11.1%
Hàng tồn kho	36.8	32.7	12.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.00	0.72	39.4%
Tài sản dài hạn	132	151	-12.6%
Phải thu dài hạn	1.35	1.31	2.5%
Tài sản cố định	111	128	-13.6%
Bất động sản đầu tư	10.0	10.7	-6.8%
Tài sản dở dang	0.45	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.74	6.89	-2.2%
Tài sản dài hạn khác	3.10	3.87	-19.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	190	224	-15.1%
Nợ ngắn hạn	155	168	-7.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.7	63.4	-35.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.2	51.1	6.0%
Nợ dài hạn	35.0	56.2	-37.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.0	40.5	-50.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	108	70.2	53.2%
Vốn chủ sở hữu	108	70.2	53.2%
Vốn điều lệ	83.2	83.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần					
Giá vốn hàng bán					
Lợi nhuận gộp					
Doanh thu HĐTC					
Chi phí TC					
Chi phí lãi vay					
LN trong công ty LKLD					
Chi phí bán hàng					
Chi phí QLDN					
LN thuần từ HĐKD					
Lợi nhuận khác					
LN trước thuế					
Lợi nhuận sau thuế					
LNST của CĐ cty mẹ					

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)